

Số: **06** /2022/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày **26** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp,
đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 962/ TTr-SLĐTBXH ngày 22 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản nước lợ (*chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản nước ngọt (*chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*).

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật sản xuất giống thủy sản (*chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm*).

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Nuôi và Phòng bệnh cho gia súc, gia cầm (*chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm*).

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Hướng dẫn viên du lịch (*chi tiết tại Phụ lục 5 đính kèm*).

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Chế biến và bảo quản thủy sản (*chi tiết tại Phụ lục 6 đính kèm*).

7. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Sửa chữa xe gắn máy (*chi tiết tại Phụ lục 7 đính kèm*).

8. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Điện công nghiệp (*chi tiết tại Phụ lục 8 đính kèm*).

9. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Điện dân dụng (*chi tiết tại Phụ lục 9 đính kèm*).

10. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Điện lạnh (*chi tiết tại Phụ lục 10 đính kèm*).

11. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Cài đặt và sửa chữa máy vi tính (*chi tiết tại Phụ lục 11 đính kèm*).

12. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề May công nghiệp, May dân dụng (*chi tiết tại Phụ lục 12 đính kèm*).

13. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Thêu máy, thêu tay, kết cườm (*chi tiết tại Phụ lục 13 đính kèm*).

14. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Nữ công gia chánh (*chi tiết tại Phụ lục 14 đính kèm*).

15. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Thiết kế tạo mẫu tóc (*chi tiết tại Phụ lục 15 đính kèm*).

16. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Lái xe ô tô hạng B2 (*chi tiết tại Phụ lục 16 đính kèm*).

17. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Lái xe ô tô hạng C (*chi tiết tại Phụ lục 17 đính kèm*).

Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (*chi tiết tại Phụ lục 18 đính kèm*).

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Tổ chức du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng (*chi tiết tại Phụ lục 19 đính kèm*).

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Chăm sóc da (*chi tiết tại Phụ lục 20 đính kèm*).

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Trang điểm (make-up) (chi tiết tại Phụ lục 21 đính kèm).

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ năng bán hàng (chi tiết tại Phụ lục 22 đính kèm).

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Đan đất (chi tiết tại Phụ lục 23 đính kèm).

7. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật cơ khí (chi tiết tại Phụ lục 24 đính kèm).

8. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật trồng hoa kiêng (chi tiết tại Phụ lục 25 đính kèm).

9. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật trồng rau màu (chi tiết tại Phụ lục 26 đính kèm).

10. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Kỹ thuật sản xuất giống cây trồng (chi tiết tại Phụ lục 27 đính kèm).

11. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Thuyền trưởng tàu cá hạng I (chi tiết tại Phụ lục 28a đính kèm).

12. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo nghề Máy trưởng tàu cá hạng I (chi tiết tại Phụ lục 28b đính kèm).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- KGVX (AD08.01);
- Lưu: VT.KL133/01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Luân